

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP VINH
TRUNG TÂM NGOẠI NGỮ, TIN HỌC IU/V

**DANH SÁCH CẤP CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CƠ BẢN
TỔ CHỨC NGÀY 06/11/2022**

TT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm thi		Số vào sổ gốc cấp chứng chỉ	Số hiệu	Ghi chú
					Lý thuyết	Thực hành			
1	Nguyễn Xuân Anh	Nam	22/10/1985	Nghệ An	7.3	8.5	1482/QĐ391/2022	TH004282	
2	Hoàng Hữu Bắc	Nam	07/4/1984	Nghệ An	6.7	7.0	1483/QĐ391/2022	TH004283	
3	Lê Linh Chi	Nữ	01/11/1997	Nghệ An	7.0	6.0	1484/QĐ391/2022	TH004284	
4	Trần Huyền Chi	Nữ	06/8/2001	Nghệ An	6.7	7.5	1485/QĐ391/2022	TH004285	
5	Trần Văn Cường	Nam	12/10/1984	Nghệ An	6.3	5.5	1486/QĐ391/2022	TH004286	
6	Nguyễn Đình Dục	Nam	19/5/1988	Hà Tĩnh	6.7	8.0	1487/QĐ391/2022	TH004287	
7	Lê Thị Mỹ Duyên	Nữ	16/6/1998	Thanh Hóa	6.7	9.5	1488/QĐ391/2022	TH004288	
8	Bành Lê Mỹ Hạnh	Nữ	11/6/2000	Nghệ An	7.7	9.5	1489/QĐ391/2022	TH004289	
9	Trần Thúy Hiền	Nữ	29/11/2000	Nghệ An	6.3	7.0	1490/QĐ391/2022	TH004290	
10	Nguyễn Thị Hiền	Nữ	12/10/1997	Nghệ An	5.7	7.5	1491/QĐ391/2022	TH004291	
11	Trần Thị Hồng	Nữ	23/12/1994	Nghệ An	6.3	8.5	1492/QĐ391/2022	TH004292	
12	Nguyễn Thị Huyền	Nữ	10/01/1996	Nghệ An	7.0	9.5	1493/QĐ391/2022	TH004293	
13	Trần Thị Thu Huyền	Nữ	01/3/1999	Nghệ An	6.3	7.0	1494/QĐ391/2022	TH004294	
14	Nguyễn Thị Lương	Nữ	02/11/2001	Nghệ An	6.7	5.5	1495/QĐ391/2022	TH004295	

TT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm thi		Số vào sổ gốc cấp chứng chỉ	Số hiệu	Ghi chú
					Lý thuyết	Thực hành			
15	Phạm Văn Mạnh	Nam	16/01/1990	Nghệ An	7.3	9.0	1496/QĐ391/2022	TH004296	
16	Võ Hạnh Như	Nữ	29/5/1992	Nghệ An	6.3	8.0	1497/QĐ391/2022	TH004297	
17	Nguyễn Hồng Nhung	Nữ	30/11/1997	Nghệ An	6.0	9.5	1498/QĐ391/2022	TH004298	
18	Trần Thị Oanh	Nữ	17/10/1996	Nghệ An	6.7	9.5	1499/QĐ391/2022	TH004299	
19	Trần Xuân Phong	Nam	20/4/1994	Nghệ An	6.3	8.0	1500/QĐ391/2022	TH004300	
20	Thái Viết Quyền	Nam	03/12/1992	Nghệ An	7.0	9.5	1501/QĐ391/2022	TH004301	
21	Phan Thị Xuân Quỳnh	Nữ	06/8/1999	Nghệ An	7.3	6.5	1502/QĐ391/2022	TH004302	
22	Hoàng Thị Thanh Tâm	Nữ	28/8/1995	Nghệ An	6.3	7.5	1503/QĐ391/2022	TH004303	
23	Nguyễn Thị Thắm	Nam	10/12/1997	Nghệ An	7.3	9.5	1504/QĐ391/2022	TH004304	
24	Trần Thị Thanh	Nữ	19/9/1990	Nghệ An	7.0	7.0	1505/QĐ391/2022	TH004305	
25	Lê Dạ Thảo	Nữ	23/8/1991	Quảng Trị	6.7	8.0	1506/QĐ391/2022	TH004306	
26	Nguyễn Thị Trà	Nữ	27/11/1998	Nghệ An	6.3	8.5	1507/QĐ391/2022	TH004307	
27	Nguyễn Bá Tuấn	Nam	28/02/1992	Nghệ An	7.0	7.5	1508/QĐ391/2022	TH004308	
28	Đào Xuân Tuấn	Nam	06/9/1986	Nghệ An	7.3	9.5	1509/QĐ391/2022	TH004309	

TT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm thi		Số vào sổ gốc cấp chứng chỉ	Số hiệu	Ghi chú
					Lý thuyết	Thực hành			

